TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/DS-ST
Ngày 22-4-2025
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thiện

Bà Mai Thị Duyên

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Ngô Trần Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa***: Bà Trần Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 40/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP H; địa chỉ trụ sở: Số 54A N, phường L, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Hoàng Đức T, chức vụ: Chuyên viên chính xử lý nợ, là đại diện theo uỷ quyền (Giấy quyền số: 3684/2024/GUQ-TGĐ ngày 10/5/2024), có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L và ông Hoàng Quốc T; cùng trú tại: Số 239 Lô 9 mở rộng, phường Đ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 5 năm 2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP H và bà Nguyễn Thị L cùng ký kết các Hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng thứ nhất: Ngày 17/09/2019, bà Nguyễn Thị L ký Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 1709/2019/M-Hồng Bàng với Ngân hàng TMCP H - Chi nhánh Hồng Bàng. Hạn mức được cấp: 100.000.000 đồng;

Hợp đồng thứ hai: Ngày 12/11/2020, bà Nguyễn Thị L ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 1507177/2020/HĐCV với Ngân hàng TMCP H - Chi nhánh Hồng Bàng, hai bên thống nhất việc Ngân hàng cho bà Nguyễn Thị L vay tiền theo nội dung thỏa thuận sau đây:

- Hạn mức thấu chi được H cấp cho Khách hàng là: 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng)*.

- Thời hạn duy trì hạn mức thấu chi: 12 tháng (từ ngày 12/11/2020 đến ngày 12/11/2021).

- Mục đích sử dụng hạn mức thấu chi: Tiêu dùng cá nhân và gia đình.

- Lãi suất thấu chi trong hạn: Lãi suất vay áp dụng kể từ ngày cấp hạn mức thấu chi cho đến ngày 12/11/2021 là: 14%/năm (365 ngày).

- Lãi suất quá hạn: Khoản nợ gốc quá hạn phải chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất thấu chi trong hạn đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả. Đối với khoản lãi tính trên nợ gốc mà đến hạn chưa trả, Khách hàng phải chịu mức lãi suất chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Hợp đồng thứ ba: Ngày 25/12/2020, bà Nguyễn Thị Lâm ký Hợp đồng cho vay số 687/2020/HĐCV và Khế ước nhận nợ số: 687/2020/KUNN với Ngân hàng TMCP H - Chi nhánh Hồng Bàng, hai bên thống nhất việc Ngân hàng cho bà Nguyễn Thị L vay tiền theo nội dung thỏa thuận sau đây:

- Số tiền nhận nợ: 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng)*.

- Ngày nhận nợ: 25/12/2020.

- Thời hạn vay: 24 tháng (kể từ ngày 25/12/2020 đến ngày 26/12/2022).

- Lãi suất vay: áp dụng kể từ ngày giải ngân đầu tiên cho đến ngày 24/12/2021 là: 13.29%/năm cơ sở tính một năm là 365 ngày.

- Mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân và gia đình.

- Lãi suất quá hạn bằng: 150% lãi suất cho vay thông thường trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

- Hình thức trả nợ gốc và lãi: Nợ gốc trả đều hàng tháng, lãi trả hàng tháng tính trên dư nợ thực tế giảm dần.

Số kỳ trả gốc: 24 kỳ. Ngày trả nợ gốc lần đầu tiên vào ngày 06/02/2021. Các kỳ tiếp theo nợ gốc được trả 01 tháng/lần vào ngày 06 hàng tháng. Số tiền gốc phải trả mỗi kỳ: 8.333.333 đồng, kỳ cuối tất toán.

Số kỳ trả lãi: 24 kỳ. Ngày trả nợ lãi lần đầu tiên vào ngày 06/02/2021. Các kỳ tiếp theo nợ lãi được trả 01 tháng/lần vào ngày 06 hàng tháng.

Ngày 25/12/2020, bà Nguyễn Thị L với ông Hoàng Quốc T ký Văn bản đồng thuận về việc: Vay vốn và cùng trả nợ cho Ngân hàng đối với Hợp đồng cho vay số 687/2020/HĐCV và Khế ước nhận nợ số: 687/2020/KUNN ngày 25/12/2020 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 1507177/2020/HĐCV ngày 12/11/2020 , có xác nhận của Ngân hàng TMCP H – Chi nhánh Hồng Bàng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng:

- Thực hiện theo Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế, Hợp đồng tín dụng hạn mức và Hợp đồng cho vay nêu trên, H đã phát hành thẻ tín dụng cho bà Nguyễn Thị L hạn mức 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) theo Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 1709/2019/M-Hồng Bàng ngày 17/09/2019, cấp hạn mức thấu chi cho bà Nguyễn Thị L số tiền 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng)* theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1507177/2020/HĐCV ngày 12/11/2020 và giải ngân cho bà Nguyễn Thị L số tiền 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng)* theo Hợp đồng cho vay số 687/2020/HĐCV ngày 25/12/2020.

- Trong quá trình thực hiện các Hợp đồng tín dụng, bà Nguyễn Thị L và ông Hoàng Quốc T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết, dẫn đến khoản vay bị nợ quá hạn kéo dài. Mặc dù, M đã đôn đốc, tạo điều kiện nhiều lần nhưng bà Nguyễn Thị Lâm và ông Hoàng Quốc T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho M, làm xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp M. Tạm tính đến hết ngày 22/04/2025, tổng dư nợ các khoản vay của bà Nguyễn Thị L và ông Hoàng Quốc T tại M là: 840.308.774 đồng (*Tám trăm bốn mươi triệu, ba trăm lẻ tám nghìn, bảy trăm bảy mươi bốn đồng)*, trong đó:

Hợp đồng cho vay số 687/2020/HĐCV và Khế ước nhận nợ số: 687/2020/KUNN Ngày 25/12/2020, nợ gốc: 124.731.616 đồng, nợ lãi trong hạn: 29.964.857 đồng, lãi quá hạn: 98.556.621 đồng, tổng: 253.253.094 đồng *(hai trăm năm mươi ba triệu hai trăm năm ba nghìn không trăm chín mươi bốn đồng).*

Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 1709/2019/M Ngày 17/09/2019, nợ gốc: 99.328.595 đồng, nợ lãi trong hạn: 85.114.533 đồng, nợ lãi quá hạn: 50.002.831 đồng, tổng: 234.445.959 đồng *(hai trăm ba mươi bốn triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm năm mươi chín đồng).*

Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 1507177/2020/HĐCV ngày 12/11/2020, nợ gốc: 199.914.896 đồng, nợ lãi trong hạn: 8.115.277 đồng, nợ lãi quá hạn: 144.579.548 đồng, tổng: 352.609.721 đồng *(ba trăm năm mươi hai triệu sáu trăm linh chín nghìn bảy trăm hai mươi một đồng).*

Yêu cầu khởi kiện.

- Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Hoàng Quốc T có nghĩa vụ thanh toán cho M toàn bộ dư nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn và phí theo các Hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên giữa M với bà Nguyễn Thị L. Tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 22/04/2025

- Bà Nguyễn Thị L và ông Hoàng Quốc T còn phải chịu lãi suất phát sinh trên dư nợ gốc còn lại và phí theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại các Hợp

đồng tín dụng đã ký nêu trên cho đến khi bà Nguyễn Thị L và ông Hoàng Quốc T thanh toán hết nợ cho MSB.

- Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Hoàng Quốc T phải chịu toàn bộ Án phí.

Quá trình Toà án giải quyết bà Nguyễn Thị L và ông Hoàng Quốc T không đến Toà để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật và không có quan điểm gì về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên toà về cơ bản thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70,71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 227 và Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các điều 463; 465; 466 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP H;

Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Hoàng Quốc T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP H, tạm tính đến hết ngày 22/4/2025 theo Hợp đồng cho vay số 687/2020/HĐCV và Khế ước nhận nợ số: 687/2020/KUNN Ngày 25/12/2020, nợ gốc: 124.731.616 đồng, nợ lãi trong hạn: 29.964.857 đồng, lãi quá hạn: 98.556.621 đồng, tổng: 253.253.094 đồng và Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 1507177/2020/HĐCV ngày 12/11/2020, nợ gốc: 199.914.896 đồng, nợ lãi trong hạn: 8.115.277 đồng, nợ lãi quá hạn: 144.579.548 đồng, tổng: 352.609.721 đồng. Tổng dư nợ của khoản vay là: 605.862.815 đồng *(sáu trăm linh năm triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm mười lăm đồng)*.

Buộc bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP H theo Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 1709/2019/M ngày 17/09/2019, nợ gốc: 99.328.595 đồng, nợ lãi trong hạn: 85.114.533 đồng, nợ lãi quá hạn: 50.002.831 đồng, tổng: 234.445.959 đồng *(hai trăm ba mươi bốn triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm năm mươi chín đồng)*. Bà Nguyễn Thị L, ông Hoàng Quốc T tiếp tục trả lãi phát sinh theo các Hợp đồng đã ký kết và theo quy định của pháp luật. Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP H và bà Nguyễn Thị L là tranh chấp hợp đồng dân sự; bị đơn bà Nguyễn Thị L, cư trú tại: Quận Hải An, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Toà án nhân dân quận Hải An đã tiến hành tống đạt hợp pháp các Thông báo, Quyết định của Toà án cho bà Nguyễn Thị L và ông Hoàng Quốc T, nhưng bà Nguyễn Thị L và ông Hoàng Quốc T đều vắng mặt trong các phiên toà, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ.

[3] Xét Hợp đồng tín dụng:

[3.1] Hợp đồng cho vay số 687/2020/HĐCV và Khế ước nhận nợ số: 687/2020/KUNN Ngày 25/12/2020, M cấp hạn mức thấu chi cho bà Nguyễn Thị L số tiền 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng)*. Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 1507177/2020/HĐCV ngày 12/11/2020, M cấp hạn mức thấu chi cho bà Nguyễn Thị L số tiền 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng)*. Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 1709/2019/M Ngày 17/09/2019, M đã phát hành thẻ tín dụng cho bà Nguyễn Thị L hạn mức 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*), số tiền vay, mục đích sử dụng vốn vay, thời hạn vay, lãi suất vay, phí, chi phí liên quan đến việc cho vay được quy định trong các Hợp đồng mà M và bà Nguyễn Thị L đã ký kết. Việc ký kết các Hợp đồng giữa hai bên trên cơ sở tự nguyện, các bên đương sự có đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung và hình thức của hợp đồng không vi phạm pháp luật phù hợp với quy định tại Điều 3; Điều 116; Điều 117, Điều 119 và Điều 463 Bộ luật Dân sự.

[3.2] Ngày 25/12/2020, bà Nguyễn Thị L với ông Hoàng Quốc T ký Văn bản đồng thuận về việc: Trường hợp bà Nguyễn Thị L không trả được nợ cho M đúng theo thoả thuận đã ký kết, thì ông Hoàng Quốc T cam kết và có nghĩa vụ, trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho M theo đúng thoả thuận tại các Hợp đồng, Khế ước nhận nợ…., văn bản khác ký giữa bà Nguyễn Thị L và M. Văn bản này được lập trên cơ sở tự nguyện và sự nhất trí của các bên…Văn bản này có hiệu lực kể từ ngày các bên cùng ký, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày văn bản này được ông Hoàng Quốc T thống nhất cử bà Nguyễn Thị L thực hiện các thủ tục vay vốn tại MSB đối với Hợp đồng cho vay số 687/2020/HĐCV và Khế ước nhận nợ số: 687/2020/KUNN ngày 25/12/2020 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 1507177/2020/HĐCV ngày 12/11/2020, có xác nhận của Ngân hàng TMCP H – Chi nhánh Hồng Bàng, vì vậy văn bản này được xác định ông Hoàng Quốc T và bà Nguyễn Thị L cùng chịu trách nhiệm trả nợ các khoản vay theo các Hợp đồng tín dụng mà bà Nguyễn Thị L đã ký kết với M. Do bà Nguyễn Thị L và ông Hoàng Quốc T không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của M nên Hội đồng

xét xử xác định Văn bản đồng thuận ngày 25/12/2020 của bà Nguyễn Thị L và ông Hoàng Quốc T có hiệu lực từ ngày 25/12/2020.

[3.3] Thực hiện Hợp đồng: Trong quá trình thực hiện các Hợp đồng tín dụng, bà Nguyễn Thị L và ông Hoàng Quốc T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết, dẫn đến khoản vay bị nợ quá hạn kéo dài (quá hạn ngày 09/11/2021). M đã đôn đốc, tạo điều kiện nhiều lần nhưng bà Nguyễn Thị L và ông Hoàng Quốc T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho M, là vi phạm nghĩa vụ trả nợ mà bà Nguyễn Thị L đã ký kết với M. Các Hợp đồng nêu trên không có tài sản bảo đảm, M khởi kiện bà Nguyễn Thị L và ông Hoàng Quốc T phải có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ cho M là có cơ sở, cần chấp nhận phù hợp các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/209/NQ-HĐTP.

Tạm tính đến hết ngày 22/04/2025, bà Nguyễn Thị L và ông Hoàng Quốc T có trách nhiệm thanh toán cho M theo:

Hợp đồng cho vay số 687/2020/HĐCV và Khế ước nhận nợ số: 687/2020/KUNN Ngày 25/12/2020, nợ gốc: 124.731.616 đồng, nợ lãi trong hạn: 29.964.857 đồng, lãi quá hạn: 98.556.621 đồng, tổng: 253.253.094 đồng *(hai trăm năm mươi ba triệu hai trăm năm ba nghìn không trăm chín mươi bốn đồng).*

Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 1507177/2020/HĐCV ngày 12/11/2020, nợ gốc: 199.914.896 đồng, nợ lãi trong hạn: 8.115.277 đồng, nợ lãi quá hạn: 144.579.548 đồng, tổng: 352.609.721 đồng *(ba trăm năm mươi hai triệu sáu trăm linh chín nghìn bảy trăm hai mươi một đồng).*

Tổng dư nợ của khoản vay bà Nguyễn Thị L và ông Hoàng Quốc T còn nợ theo 02 Hợp đồng cho vay và Hợp đồng tín dụng hạn mức là: 605.862.815 đồng *(sáu trăm linh năm triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm mười lăm đồng).*

Bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm thanh toán cho M theo Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 1709/2019/MSB ngày 17/09/2019, nợ gốc: 99.328.595 đồng, nợ lãi trong hạn: 85.114.533 đồng, nợ lãi quá hạn: 50.002.831 đồng, tổng: 234.445.959 đồng *(hai trăm ba mươi bốn triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm năm mươi chín đồng).*

[4] Về tiền lãi phát sinh: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số 687/2020/HĐCV và Khế ước nhận nợ số: 687/2020/KUNN Ngày 25/12/2020; Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 1507177/2020/HĐCV ngày 12/11/2020; Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 1709/2019/M ngày 17/09/2019, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí.

[9] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 227 và Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 463; 465; 466 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP H;

- Buộc bà Nguyễn Thị Lâm và ông Hoàng Quốc Thịnh có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP H, tạm tính đến hết ngày 22/4/2025 theo:

Hợp đồng cho vay số 687/2020/HĐCV và Khế ước nhận nợ số: 687/2020/KUNN Ngày 25/12/2020, nợ gốc: 124.731.616 đồng, nợ lãi trong hạn: 29.964.857 đồng, lãi quá hạn: 98.556.621 đồng, tổng: 253.253.094 đồng (hai trăm năm mươi ba triệu hai trăm năm ba nghìn không trăm chín mươi bốn đồng).

Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 1507177/2020/HĐCV ngày 12/11/2020, nợ gốc: 199.914.896 đồng, nợ lãi trong hạn: 8.115.277 đồng, nợ lãi quá hạn: 144.579.548 đồng, tổng: 352.609.721 đồng (ba trăm năm mươi hai triệu sáu trăm linh chín nghìn bảy trăm hai mươi một đồng).

Tổng dư nợ của khoản vay là: 605.862.815 đồng *(sáu trăm linh năm triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm mười lăm đồng).*

- Buộc bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP H theo Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 1709/2019/M ngày 17/09/2019, nợ gốc: 99.328.595 đồng, nợ lãi trong hạn: 85.114.533 đồng, nợ lãi quá hạn: 50.002.831 đồng, tổng: 234.445.959 đồng *(hai trăm ba mươi bốn triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm năm mươi chín đồng).*

- Về tiền lãi phát sinh: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số 687/2020/HĐCV và Khế ước nhận nợ số: 687/2020/KUNN Ngày 25/12/2020; Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 1507177/2020/HĐCV ngày 12/11/2020; Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 1709/2019/M ngày 17/09/2019, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị L và ông Hoàng Quốc T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm được làm tròn là 28.200.000 đồng (hai mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng), bà Nguyễn Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm được làm tròn là: 11.722.000 đồng (mười một triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn đồng). Trả lại cho Ngân hàng TMCP H số tiền tạm ứng án phí là 16.700.000 đồng (mười sáu triệu bảy trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005564 ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng .

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Chi cục THA dân sự quận Hải An;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Sơn Thị Nhân